TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2025/DS – ST
Ngày: 30/7/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Lê Đức Dũng**

2. Bà **Lại Thị Thuý Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Sỹ Khánh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhật Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2025/TLST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST- DS ngày 27/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST- DS ngày 15/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP Q.**

Trụ sở tại: tầng A và tầng 2 toà nhà Sailing tower, số A pasteur, phường S, thành phố Hồ Chí Minh (cũ là Tầng A và Tầng B, Tòa nhà S A P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo Pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T - Chức vụ: Giám đốc khối Mạng lưới kinh doanh Ngân hàng bán lẻ (Giám đốc MLKD) theo Giấy ủy quyền số 226369.24 ngày 23/10/2024.

Đại diện theo ủy quyền: của Ông Dương Thanh L - Chức vụ: Giám đốc THN Trực tiếp và X 1 theo Giấy ủy quyền số 232439.24 ngày 23/10/2024 -Giám đốc MLKD

Đại diện theo uỷ quyền lại: bà Trần Thị Diệu H, ông Vũ Hồng K, ông Lê Việt T1, ông Nguyễn Hữu Đ, ông Hứa Huy H1.

Địa chỉ liên lạc: tầng A và tầng 2 toà nhà Sailing tower, số A pasteur, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn Đ1**, sinh năm:1996

Địa chỉ: tổ A, ấp A, xã X, tỉnh Đồng Nai (cũ là xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do bà Trần Thị Diệu H trình bày:***

Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là V1) đã ký kết với ông Phạm Văn Đ1 các hợp đồng tín dụng và cấp hạn mức thẻ tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 4060070.23 ngày 09/10/2023, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2922695 (1).23 ngày 25/10/2023 cho ông Phạm Văn Đ1 vay số tiền 1.584.000.000 đồng, thời hạn vay 360 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: mua bất động sản tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 44 thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân đến là 5,00%/năm; lãi suất này là lãi ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiền kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 2,4%/năm. Trả nợ gốc, thời gian ân hạn: 24 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau thời gian ân hạn số tiền gốc trả 4.714.000 đồng/tháng, số tiền còn lại vào kỳ cuối. Ngày hoàn trả, hàng tháng vào cùng ngày trả lãi. Hàng tháng trả lãi suất vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiền là 25/11/2023.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông Phạm Văn Đ1 đã đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số: 2842274.23.612 ngày 06/02/2024 được công chứng tại Văn Phòng C, số A, đường L, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 06/02/2024. Tài sản thế chấp là thửa đất số 170, tờ bản đồ 44 thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai, thửa đất Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/2021 và cập nhật biến động ngày 08/11/2023 cho ông Phạm Văn Đ1 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 06/02/2024.

+ Hợp đồng tín dụng số 2922695.23 ngày 13/10/2023, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4060070 (1).23 ngày 25/10/2023 cho ông Phạm Văn Đ1 vay số tiền 3.175.000.000 đồng, thời hạn vay 360 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: mua bất động sản tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân đến là 5,00%/năm; lãi suất này là lãi ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiền kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng 1 lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 2,4%/năm. Trả nợ gốc, thời gian ân hạn: 24 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau thời gian ân hạn số tiền gốc trả 9.449.000 đồng/tháng, số tiền còn lại vào kỳ cuối. Ngày hoàn trả, hàng tháng vào cùng ngày trả lãi. Hàng tháng trả lãi suất vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiền là 25/11/2023.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì ông Phạm Văn Đ1 đã đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số: 5977925.23.612 ngày 06/02/2024 được công chứng tại Văn Phòng C, số A,

đường L, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 06/02/2024. Tài sản thế chấp là thửa đất số 38, tờ bản đồ 34 xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, thửa đất Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/12/2016 và cập nhật biến động ngày 15/11/2023 cho ông Phạm Văn Đ1 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 06/02/2024.

+ Căn cứ đề nghị phát hành Thẻ ngày 07/11/2022, Ngân hàng TMCP Q đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng cho ông Phạm Văn Đ1, loại thẻ tín dụng VIB Rewards Unlimited, Số thẻ: 5268879900088934 hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng như trên ông Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; căn cứ đề nghị phát hành Thẻ ngày 07/11/2022 hai bên đã ký kết. Cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 4060070.23 ngày 09/10/2023, ông Phạm Văn Đ1 chỉ trả được 85.377.316 đồng tiền lãi suất, chưa trả tiền gốc. Tạm tính đến ngày 30/7/2025, ông Phạm Văn Đ1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q với tổng số tiền là 1.764.827.876 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.584.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 77.119.975 đồng; Nợ lãi phạt/phí: 103.707.901 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 2922695.23 ngày 13/10/2023, ông Phạm Văn Đ1 chỉ trả được 160.092.883 đồng tiền lãi suất, chưa trả tiền gốc. Tạm tính đến ngày 30/7/2025, ông Phạm Văn Đ1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q với tổng số tiền là 3.547.300.270 đồng, trong đó: Nợ gốc: 3.175.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 164,134,451 đồng; Nợ lãi phạt/phí: 208.165.819 đồng.

Đối với đề nghị phát hành thẻ ngày 07/11/2022 tạm tính đến ngày 30/7/2025, ông Phạm Văn Đ1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q với tổng số tiền thẻ tín dụng là 72.283.803 đồng, trong đó: Nợ gốc: 45.148.905 đồng; nợ phí thẻ tín dụng là: 27.134.898 đồng.

Như vậy, ông Đ1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 30/7/2025 là 5.384.411.949 đồng: trong đó: Nợ gốc là: 4.804.148.905 đồng, N lãi trong hạn: 241.254.426 đồng, lãi quá hạn là: 311.873.720 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là: 27.134.898 đồng. Mặc dù Ngân hàng TMCP Q đã nhiều lần nhắc nhở và đốc thúc việc trả nợ, nhưng ông Đ1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn Đ1 phải thanh nợ gốc và nợ lãi, phí cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/7/2025 là 5.384.411.949 đồng (năm tỷ ba trăm tám mươi tư triệu bốn trăm mười một ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là: 4.804.148.905 đồng, N lãi trong hạn: 241.254.426 đồng, lãi quá hạn là: 311.873.720 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là: 27.134.898 đồng và lãi suất, phí tính từ ngày 31/7/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2922695.23 ngày 13/10/2023, Hợp đồng tín dụng số 4060070.23 ngày 9/10/2023 và đề nghị phát hành thẻ ngày 07/11/2022.

Trường hợp ông Phạm Văn Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34 xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền và hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE997047, số vào số cấp GCN: CS04726 do Sở Tài nguyên và Mội trường tỉnh Đ cấp ngày 23/12/2016, cập nhật chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đ1 ngày 15/11/2023 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 170, tờ bản đồ số 44, thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 830016, số vào số cấp GCN: CS04932 do Sở T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/12/2021, cập nhật chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đ1 ngày 08/11/2023 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5977925.23.612 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2842274.23.612 được công chứng tại Văn phòng C ngày 06/02/2024 để thu hồi nợ.

Toàn bộ tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Phạm Văn Đ1 với Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Phạm Văn Đ1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đ1 phải thanh toán số tiền chi phí tố tụng 7.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng để thực hiện thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ.

**** Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.***

*** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, vắng mặt không có lý do. Kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Văn Đ1 trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc và lãi suất, phí theo Ngân hàng yêu cầu tạm tính đến ngày 30/7/2025 là 5.384.411.949 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 4.804.148.905 đồng, N lãi trong hạn: 241.254.426 đồng, lãi quá hạn là: 311.873.720 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là: 27.134.898 đồng và lãi suất, phí tính từ ngày 31/7/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2922695.23 ngày 13/10/2023, Hợp đồng tín dụng số 4060070.23 ngày 09/10/2023 và Đề nghị phát hành thẻ ngày 07/11/2022.

Trường hợp ông Đ1 không thanh toán số nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng thì tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5977925.23.612; số 2842274.23.612 được công chứng tại Văn phòng C, số A, đường L, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 06/02/2024 được đảm bảo để thu hồi nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên toà và sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Q (sau đây viết tắt là V1) khởi kiện ông Phạm Văn Đ1 yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi suất và phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 4060070.23 ngày 09/10/2023, Hợp đồng tín dụng số 2922695.23 ngày 13/10/2023, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4060070 (1).23 ngày 25/10/2023; đề nghị phát hành thẻ ngày 07/11/2022. Vì vậy, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Văn Đ1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ (nay là Toà án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với tất cả các đương sự trong vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Văn Đ1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi suất cho Ngân hàng TMCP Q:

Xét thấy: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn lại theo theo Hợp đồng tín dụng số 4060070.23 ngày 09/10/2023, Hợp đồng tín dụng số 2922695.23 ngày 13/10/2023, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4060070 (1).23 ngày 25/10/2023; Đề nghị phát hành thẻ ngày 07/11/2022 với tổng số tiền tính đến ngày 30/7/2025 là 5.384.411.949 đồng: trong đó: Nợ gốc là: 4.804.148.905 đồng, N lãi trong hạn: 241.254.426 đồng, lãi quá hạn là: 311.873.720 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là: 27.134.898 đồng và lãi suất, phí tính từ ngày 31/7/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, đề nghị phát hành thẻ như trên.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số 4060070.23 ngày 09/10/2023, Hợp đồng tín

dụng số 2922695.23 ngày 13/10/2023; Đề nghị phát hành thẻ ngày 07/11/2022. Hợp đồng tín dụng và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận, đề nghị phát hành thẻ như trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Việc áp dụng tính lãi suất của Ngân hàng theo hợp đồng hai bên ký kết phù hợp với quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ1 đã không đến Toà án để giải quyết vụ án và không đưa ra thời gian cụ thể, hợp lý để giải quyết khoản nợ trên với Ngân hàng. Điều này thể hiện ông Đ1 không có thiện chí, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền.

Do đó, toàn bộ lời khai và các tài liệu chứng cứ như Ngân hàng cung cấp được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo Hợp đồng tín dụng số 4060070.23 ngày 09/10/2023, Hợp đồng tín dụng số 2922695.23 ngày 13/10/2023, Đề nghị phát hành thẻ ngày 07/11/2022 và bảng sao kê số tiền gốc, lãi suất, phí ông Đ1 còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 30/7/2025 là 5.384.411.949 đồng. Nên giao dịch và Hợp đồng tín dụng, đề nghị phát hành thẻ là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số nợ gốc, lãi suất và phí là có căn cứ chấp nhận, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Đ1 phải trả cho Ngân hàng số tiền 5.384.411.949 đồng: trong đó: Nợ gốc là: 4.804.148.905 đồng, N lãi trong hạn: 241.254.426 đồng, lãi quá hạn là: 311.873.720 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là: 27.134.898 đồng và lãi suất, phí tính từ ngày 31/7/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, đề nghị phát hành thẻ như trên.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc được quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án:

Xét thấy: thửa đất số 170, tờ bản đồ số 44, tại thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai) và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34, tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) là tài sản hợp pháp của ông Đ1. Việc thế chấp thửa đất này để bảo đảm các khoản vay là trên tinh thần tự nguyện của ông Đ1. Do đó hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và việc đăng ký thế chấp đối với tài sản đảm bảo thế chấp được các bên thực hiện đầy đủ các thủ tục đúng theo quy định pháp luật nên được công nhận có hiệu lực thi hành. Do đó, trường hợp ông Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại Điều 157 thì ông Đ1 có nghĩa vụ phải chịu chi phí trên. Do đó, ông Đ1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 7.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên buộc ông Phạm Văn Đ1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 5.384.411.949 đồng án phí sẽ là: 5.384.411.949 đồng = 112.000.000 đồng + (1.384.411.949 đồng x 0,1%) = 113.384.412 đồng (làm tròn thành 113.384.000 đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai về phần nội dung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Căn cứ các Điều 116, 117, 295, 299, 303, 323, 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

- Buộc ông Phạm Văn Đ1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 30/7/2025 là 5.384.411.949 đồng (năm tỷ ba trăm tám mươi tư triệu bốn trăm mười một ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là: 4.804.148.905 đồng, N lãi trong hạn: 241.254.426 đồng, lãi quá hạn là: 311.873.720 đồng, nợ phí thẻ tín dụng là: 27.134.898 đồng.

- Ông Phạm Văn Đ1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất và phí phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo quy định trong Hợp đồng tín dụng số 4060070.23 ngày 09/10/2023, Hợp đồng tín dụng số 2922695.23 ngày 13/10/2023, Đề nghị phát hành thẻ ngày 07/11/2022 đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q kể từ ngày 31/7/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 44 tại thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai) và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34, tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai), theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2842274.23.612 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5977925.23.612 được công chứng tại Văn Phòng C, số A, đường L, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 06/02/2024 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ ngày 06/02/2024 được đảm bảo để thu hồi nợ.

Toàn bộ tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Phạm Văn Đ1 với Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Phạm Văn Đ1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Văn Đ1 có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 7.000.000đ (bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3/ Về án phí:

- Buộc ông Phạm Văn Đ1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 113.384.000đ (một trăm mười ba triệu ba trăm tám mươi tư ngàn đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 56.503.000đ (năm mươi sáu triệu năm trăm linh ba ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0013048 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Đồng Nai).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND. tỉnh Đồng Nai.*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai.*
- *VKSNDKV5 – Đồng Nai.*
- *Phòng THADSKV 5 – Đồng Nai;*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Lưu án văn.*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên